

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HCPT

Ngày 28/7/2017.

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý Thuế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lang Thị Duyên.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Đức Thi.

- Bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đậu Thị Bích Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:
Ông Võ Duy Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/7/2017 và ngày 27/7/2017 - 28/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2016/HCPT ngày 19/12/2016 về khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 07/11/2016 của Toà án nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2017/QĐPT- HC ngày 21 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trần Tử Tr – Sinh năm 1981- Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS.

Địa chỉ: Xóm ST, xã NS, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn T và Phan Văn Ch - Văn phòng Luật sư A- Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Người bị kiện: Chi Cục Thuế huyện ND, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối Tân Hồng, Thị trấn ND, huyện ND, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Th – Chức vụ: Chi cục Trưởng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Th1 – Sinh năm 1985 .

Trú tại: Xóm ST, xã NS, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

*Ông Nguyễn Thanh Đ - Cán bộ Chi cục Thuế huyện ND, tỉnh Nghệ An.
Vắng mặt.*

Bà Phan Khánh L – Sinh năm 1983. Cán bộ Chi cục Thuế huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Ông Nguyễn Văn Th2– Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người có kháng cáo:*

Người khởi kiện: Ông Trần Tử Tr;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th1.

Đều trú tại: Xóm ST, xã NS, huyện ND, tỉnh Nghệ An. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 07/11/2016 của TAND huyện ND, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Doanh nghiệp tư nhân TrS là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu và vận tải từ năm 2011. Ngày 30/9/2013, Chi cục Thuế huyện ND đã có Quyết định số 277/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế *trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp vào ngân sách Nhà nước* vì không chấp hành việc thông báo tiền nợ thuế và tiền phạt chậm. Tính đến ngày 30/4/2014, doanh nghiệp tư nhân TrS còn nợ thuế 120.946.031 đồng trong đó nợ trên 90 ngày là 60.039.006 đồng.

Ngày 14/4/2014 Chi Cục Thuế huyện ND ban hành Thông báo số 613/TB-CCT yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân TrS phải nộp ngay số thuế vào ngân sách Nhà nước nhưng doanh nghiệp không nộp. Qua xác minh tại ngân hàng tại thời điểm ngày 26/4/2014 thì tài khoản của doanh nghiệp chỉ còn 941.416 đồng nên không thực hiện được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Chi cục thuế huyện ND ban hành Thông báo 668/TB-CCT ngày 29/4/2014 về việc sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng.

Ngày 06/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND có Thông báo số 670/TB-CCT cho doanh nghiệp về việc cung cấp thông tin tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp. Ngày 07/5/2014, ông Trần Tử Tr giám đốc doanh nghiệp và bà Nguyễn Thị Th1 là nhân viên doanh nghiệp đến làm việc tại Chi cục Thuế huyện ND. Trực tiếp làm việc là bà Phan Khánh L – Phó Đội Trưởng đội kiểm tra - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã xác minh kiểm kê số lượng hóa. Sau khi xác minh xong, Chi cục Thuế đã lập biên bản niêm phong hồ sơ bị kê biên (cụ thể số lượng hóa đơn) giao cho bà Nguyễn Thị Th1 (Vợ ông Trần Tử Tr) bảo quản và cất giữ. Biên bản được lập thành 02 bản, được ông Trường và bà Th1 nhất trí ký vào biên bản.

Ngày 09/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND ban hành Quyết định số 157/QĐ - CCT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS. *Lý do bị cưỡng chế: Không chấp hành thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp. Quyết định có hiệu lực trong 01 năm kể từ ngày 09/5/2014 đến ngày 09/5/2015.* Cùng ngày 09/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND ban hành Thông báo số 676/TB – CCT về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS. Lý do Thông báo: đơn vị không chịu chấp hành Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp tại thông báo số 613/TB-CCT ngày 14/4/2014.

Ngày 27/4/2015 ông Trần Tử Tr - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS có đơn khởi kiện và được bổ sung ngày 23/6/2015 với nội dung: Chi cục Thuế huyện ND tiến hành phong tỏa tài khoản của doanh nghiệp và cho nhân viên đến tại trụ sở của doanh nghiệp lập biên bản niêm phong toàn bộ hóa đơn làm cho doanh nghiệp ngừng hoạt động gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Vì vậy, ông Trần Tử Tr khởi kiện Hành vi hành chính của Chi cục Thuế huyện ND và yêu cầu bồi thường cho Doanh nghiệp tổng số tiền 23.045.781.000 đồng, với lý do: Doanh nghiệp tư nhân TrS là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu và vận tải. Quá trình hoạt động hàng năm, doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc đúng các ngành nghề kinh doanh theo đăng ký và đóng góp thuế đầy đủ cho Nhà nước theo đúng quy định. Năm 2013, Chi cục Thuế huyện ND đã thu thuế của Doanh nghiệp 02 lần trong một tháng bằng biện pháp khấu trừ qua tài khoản của Doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Phủ Quỳ, huyện ND, đã nhiều lần doanh nghiệp đề nghị Chi cục thuế huyện ND bù trừ số tiền thuế thu thừa vào tháng tiếp theo nhưng Chi cục Thuế không làm. Đầu tháng 5/2014, doanh nghiệp ngừng nộp thuế để giải quyết vấn đề thu thừa này thì đến ngày 07/5/2014 Chi cục Thuế huyện ND tiến hành phong tỏa tài khoản của doanh nghiệp và cho nhân viên đến tại trụ sở của doanh nghiệp lập biên bản niêm phong toàn bộ hóa đơn làm cho doanh nghiệp ngừng hoạt động gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

Phía bên người bị kiện trình bày: Doanh nghiệp tư nhân TrS kinh doanh trên địa bàn huyện ND từ năm 2011, doanh nghiệp thường xuyên vi phạm pháp luật thuế, đã bị xử lý nhiều lần và bị nhắc nhở đôn đốc việc nộp thuế nhưng doanh nghiệp không thực hiện việc nộp thuế. Việc ông Trần Tử Tr - giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS cho rằng Chi cục Thuế đã thu thuế hai lần trong 01 tháng là không có cơ sở. Tính đến ngày 30/4/2014, Doanh nghiệp tư nhân TrS có tiền nợ thuế là 120.946.031đ, trong đó nợ thuế quá 90 ngày là 60.039.006đ. Vì Doanh nghiệp vi phạm pháp luật về thuế nợ tiền thuế quá 90 ngày mặc dù đã được Chi cục thuế thông báo về số tiền nợ thuế nhưng doanh nghiệp vẫn không chấp hành nên Chi cục Thuế phải thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp “ Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế”. Tuy nhiên biện pháp này vẫn không thực hiện được, không thu được tiền thuế cho Nhà Nước vì qua xác minh tại Ngân hàng thì số tiền trong tài khoản của doanh nghiệp không đủ để thực hiện việc cưỡng chế nên Chi cục Thuế phải chuyển biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Việc Chi cục Thuế kiểm tra kê biên hóa đơn trước khi áp dụng biện pháp cưỡng chế này vào ngày 07/5/2014 là không trái quy định của pháp luật. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại với tổng số tiền là 23.045.781.000đ thì Chi cục Thuế không chấp nhận vì Chi cục thuế làm đúng quy định pháp luật nên không có thiệt hại xảy ra.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Khánh L trình bày: Tháng 5/2015, bà là Đại diện tổng hợp báo cáo nợ có tham gia trình danh sách nợ trên 90 ngày đến hạn cưỡng chế thì có Doanh nghiệp tư nhân TrS, hàng tháng Chi cục thuế ND đều gửi thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp thuế cho Doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp không thực hiện việc nộp tiền vào ngân sách theo quy định. Tính đến ngày 30/4/2014, Doanh nghiệp tư nhân TrS còn nợ

thuế là 120.946.031đ, trong đó nợ thuế trên 90 ngày là 60.039.006đ kể từ ngày hết hạn nộp thuế. Tại tài khoản của doanh nghiệp qua xác minh với ngân hàng số dư tài khoản đã giao dịch đăng ký với cơ quan thuế chỉ có 941.416đ nên không đủ để thực hiện việc cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế nên buộc phải chuyển biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Ngày 06/5/2014, Chi cục thuế có công văn yêu cầu cung cấp thông tin về tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp do bà Nguyễn Thị Th1 vợ ông Trần Tử Tr và là nhân viên của ông Trường nhận công văn này. Ngày 07/5/2015, ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 đã làm việc với bà Phan Khánh Linh là cán bộ Chi cục Thuế. Nội dung làm việc là kiểm kê xác định số lượng hóa đơn là 9 quyển, trong đó có 412 số chưa sử dụng, ký hiệu TS/HP từ số 2089 đến 2500. Sau khi kiểm kê xong đã giao lại cho bà Nguyễn Thị Th1 chịu trách nhiệm bảo quản và cất giữ. Bà Th1 và ông Trường đều nhất trí ký vào biên bản. Qua trình làm việc đã thông báo cho ông Tr biết sẽ thực hiện biện pháp cưỡng chế “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” nếu doanh nghiệp không thực hiện việc nộp thuế. Đến ngày 09/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND ban hành quyết định cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” với thời hạn từ 09/5/2014 đến ngày 09/5/2015. Hành vi của Chi cục Thuế huyện ND không làm trái quy định pháp luật nên không có thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp tư nhân TrS.

Ông Nguyễn Thanh Đ trình bày: Ông là Đội trưởng Đội kiểm tra quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với doanh nghiệp nợ trên 90 ngày kể từ hạn nộp gốc, trong đó có Doanh nghiệp tư nhân TrS. Hàng tháng Chi cục Thuế huyện ND đều gửi thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp thuế cho doanh nghiệp nhưng đơn vị không nộp tiền vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Chi cục Thuế đã xác minh với ngân hàng số dư tài khoản đã giao dịch đăng ký với cơ quan thuế không đủ để thực hiện việc cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc Nhà nước, việc Doanh nghiệp tư nhân TrS cho rằng Chi cục Thuế thu thuế hai lần trong một tháng là không có cơ sở. Khi số tiền trong tài khoản không đủ để cưỡng chế bằng biện pháp khấu trừ qua tài khoản buộc Chi cục Thuế phải chuyển bước tiếp theo là cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Doanh nghiệp tư nhân TrS cho rằng Chi cục Thuế đã có hành vi trái pháp luật niêm phong hóa đơn của doanh nghiệp là không có căn cứ vì sau khi nhận được thông báo yêu cầu cung cấp tình hình sử dụng hóa đơn vào ngày 06/5/2014 thì đến ngày 07/5/2015, ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 đã làm việc với Chi cục Thuế để tiến hành kiểm tra và kê biên số lượng hóa đơn, xác định số lượng hóa đơn có 09 quyển, trong đó có 412 số chưa sử dụng, ký hiệu TS/HP từ số 2089 đến 2500. Sau khi kiểm kê xong đã giao lại cho bà Nguyễn Thị Th1 chịu trách nhiệm bảo quản và cất giữ, được sự đồng ý của ông Trần Tử Tr, các bên nhất trí ký vào biên bản. Đến ngày 09/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND ra quyết định về việc cưỡng chế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Ông Trần Tử Tr yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của Chi cục Thuế huyện ND gây ra là không có cơ sở.

Ông Nguyễn Văn Th2 trình bày: Ông đồng tình với ý kiến của đại diện Chi cục Thuế huyện ND, ý kiến bà L và ông Đ. Năm 2014, ông làm Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện ND, thời điểm thực hiện biện pháp cưỡng chế để thu hồi thuế đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS do ông quản lý. Cho nên không có việc chi cục thuế làm sai và gây thiệt hại.

Ý kiến bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Tử Tr và cũng là nhân viên của Doanh nghiệp. Quá trình kinh doanh bà được ông Trường ủy quyền trong việc nộp thuế, đối chiếu số liệu với thuế và quyết toán thuế hàng năm. Ngày 06/5/2014, bà có nhận được thông báo của Chi cục Thuế về việc cung cấp thông tin về tình hình sử dụng hóa đơn và đến ngày 07/5/2014, Chi cục Thuế có ông Đ, chị L đến trụ sở doanh nghiệp niêm phong toàn bộ hóa đơn mà doanh nghiệp đang sử dụng không có lý do gì. Sau khi niêm phong, bà có ký nhận việc giao trách nhiệm bảo quản và cất giữ hóa đơn. Ông Tr và bà Th1 đều có mặt ký vào biên bản. Từ ngày bị niêm phong doanh nghiệp không hoạt động được và không có doanh thu cho nên năm 2014 không làm được hồ sơ quyết toán với thuế và doanh nghiệp bị thiệt hại tính đến thời điểm này là 23.045.781.000đ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An đã Quyết định:

Áp dụng điều 30; khoản 1 điều 31; điều 193 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Áp dụng điều 92, 93, 94, 97 Luật Thuế năm 2006; Mục 26, 27 điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế; Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và Thông tư 215/2013/ TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Xử: Bác đơn khởi kiện của ông Trần Tử Tr – Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS về việc khởi kiện hành vi hành chính của Chi cục Thuế huyện ND và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra.

Về án phí: Ông Trần Tử Tr phải chịu 200.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/11/2016, ông Trần Tử Tr có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì hành vi hành chính của Chi cục Thuế huyện ND trái với điều 98a Luật số 21/2012/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế. Hành vi kê biên hóa đơn thuế giá trị gia tăng đồng thời niêm phong hóa đơn thuế giá trị gia tăng không giao cho Doanh nghiệp tư nhân TrS bảo quản mà giao cho người làm chứng coi giữ và bảo quản là không đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 15/11/2016, bà Nguyễn Thị Th1 có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì trước ngày 01/5/2014 bà giữ vai trò là chủ quỹ của doanh nghiệp nhưng từ 01/5/2014 trở về sau bà không liên quan đến doanh nghiệp nữa. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trần Tử Tr - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS.

Tại phiên tòa, Ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện khẳng định: Ông Trần Tử Tr khởi kiện hành vi hành chính của Chi cục Thuế huyện NĐ kê biên niêm phong hóa đơn của doanh nghiệp. Bản án sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ trong vụ án, không xem xét xác minh đầy đủ các chứng cứ nhưng xử bác yêu cầu khởi kiện là chưa có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 điều 241 Luật tố tụng Hành chính để hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính về thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS và tranh tụng tại phiên tòa. Các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tố tụng Hành chính và các quy định pháp luật hiện hành để bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm; Tuyên áp dụng bổ sung điều luật cho đầy đủ, sửa lại phần án phí dân sự trong vụ án hành chính.

Về án phí: Do kháng cáo và yêu cầu bồi thường không được chấp nhận nên ông Trần Tử Tr phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và án phí dân sự trong vụ án hành chính; bà Nguyễn Thị Th1 phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, các căn cứ pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử phúc thẩm Hành chính thấy:

Về thủ tục tố tụng:

- Đối tượng khởi kiện: Ông Trần Tử Tr – Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Thuế nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo điều 30 Luật tố tụng Hành chính.

Về Thời hiệu khởi kiện: Tính từ ngày 07/5/2014 khi cơ quan Thuế thực hiện hành vi hành chính đến ngày 27/4/2015 ông Trần Tử Tr có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện NĐ là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 116 Luật tố tụng Hành chính. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết bằng vụ án hành chính là đúng khoản 1 điều 31 Luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Tử Tr thấy rằng: Về tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khởi kiện: Tính đến ngày 30/4/2014, doanh nghiệp tư nhân TrS còn nợ thuế 120.946.031 đồng trong đó nợ trên 90 ngày là 60.039.006 đồng. Ngày 14/4/2014, Chi cục Thuế huyện NĐ ban hành thông báo số 613/TB-CCT yêu cầu doanh nghiệp phải nộp ngay số thuế vào ngân sách nhưng doanh nghiệp không nộp. Qua xác minh tại ngân hàng tính đến thời điểm ngày 26/4/2014, tài khoản của doanh nghiệp đăng ký tại cơ quan Thuế

chỉ còn 941.416 đồng nên không thực hiện được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế. Chi cục thuế huyện ND ban hành Thông báo 668/TB-CCT ngày 29/4/2014 về việc sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Ngày 06/5/2014, Chi cục Thuế huyện ND có Thông báo số 670/TB-CCT cho doanh nghiệp về việc cung cấp thông tin tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp. Ngày 07/5/2014, ông Trần Tử Tr là giám đốc doanh nghiệp và bà Nguyễn Thị Th1 (vợ của ông Trường đồng thời là nhân viên doanh nghiệp) đến làm việc tại Chi cục Thuế huyện ND. Bà Phan Khánh L - Phó Đội Trưởng đội kiểm tra - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã trực tiếp làm việc xác minh tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp. Sau khi xác minh xong, Bà Phan Khánh L đã lập biên bản cụ thể số lượng hóa đơn chưa sử dụng của doanh nghiệp và giao cho bà Nguyễn Thị Th1 bảo quản và cất giữ.

Việc bà Phan Khánh L thực hiện nhiệm vụ, công vụ trên theo sự phân công của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện ND là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 93 Luật số 21/2012/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều về Luật quản lý Thuế năm 2006; Điều 36 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ; Điều 13 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính; Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc Chi cục Thuế.

Về căn cứ pháp luật: Theo Luật số 21/2012/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều về Luật quản lý Thuế năm 2006 quy định Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là một trong các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế được quy định tại điểm d khoản 1 mục 26 điều 1 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 93, bổ sung khoản 3 vào Điều 93; Điều 98a sửa đổi, bổ sung điều 98 Luật quản lý Thuế 2006; Khoản 3 điều 19 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về Thuế và cưỡng chế thi hành quyết định về Thuế; Điều 13 Thông tư 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Trước hết, xác định đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng:

Theo Điều 98a Luật số 21/2012/QH13 về sửa đổi, bổ sung điều 98 Luật quản lý thuế 2006 quy định “ 1. *Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng được thực hiện khi cơ quan quản lý thuế không áp dụng được hoặc đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 93 của Luật này nhưng vẫn chưa thu đủ số tiền thuế nợ, tiền chậm nộp, tiền phạt*”.

Theo điều 18 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về Thuế và cưỡng chế thi hành quyết định về Thuế quy định: “1. *Các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với người nộp thuế:*

a) *Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế đã quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế theo quy định; quá thời hạn gia hạn nộp thuế*”...

Điều 13 Thông tư 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng quy định: “1. Đối tượng áp dụng: Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với đối tượng bị cưỡng chế không áp dụng được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, yêu cầu phong tỏa tài khoản; khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập đối với cá nhân hoặc đã áp dụng các biện pháp này nhưng vẫn không thu đủ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ như Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp hàng tháng thể hiện: Thông báo số 115/TB-CCT ngày 20/01/2014; Thông báo số 188/TB-CCT ngày 25/02/2014; thông báo số 188/TB-CCT ngày 23/02/2014; Thông báo số 477/TB-CCT ngày 12/3/2014; Thông báo số 613/TB-CCT ngày 14/4/2014 (BL 118 - 122) thì Doanh nghiệp tư nhân TrS còn nợ thuế số tiền 120.946.031 đồng trong đó nợ trên 90 ngày là 60.039.006 đồng. Mặc dù đã được thông báo nhiều lần nhưng doanh nghiệp không chịu nộp thuế. Trước đó, ngày 30/9/2013, Chi cục Thuế huyện ND đã có Quyết định số 277/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế *trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp vào ngân sách Nhà nước* đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS nhưng không thực hiện được. Vì không chấp hành việc thông báo tiền nợ thuế và tiền phạt chậm nộp, Chi cục Thuế huyện ND đã có Công văn số 41/CCT-QLN ngày 22/4/2014 xác minh tại Ngân hàng TMCP và Đầu tư phát triển chi nhánh Phủ Quỳ, huyện ND theo số tài khoản 51310000049393 mà doanh nghiệp đã đăng ký với cơ quan Thuế thì thời điểm ngày 26/4/2014, tài khoản của doanh nghiệp có số dư là 941.416 đồng; Tại Công văn số 42/CCT-QLN ngày 22/4/2014 của Chi cục Thuế huyện ND xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện ND theo số tài khoản 3620201000637 thể hiện đến ngày 25/4/2014 có số dư trong tài khoản là 92.132 đồng nên Chi cục Thuế huyện ND không thực hiện được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế.

Tại phiên tòa, ông Trần Tử Tr khẳng định doanh nghiệp vẫn còn nợ thuế nhưng không biết nợ cụ thể bao nhiêu nhưng sau đó thừa nhận còn nợ số tiền như cơ quan Thuế đã thông báo. Trước đó, ngày 30/9/2013, Chi cục Thuế huyện ND đã có Quyết định số 277/QĐ-CCT về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế “*Trích tiền gửi tại ngân hàng để nộp vào ngân sách Nhà nước*” đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS, hàng tháng ông đã chuyển tiền vào tài khoản để nộp thuế nhưng cơ quan Thuế đã trừ số tiền của Doanh nghiệp 2 lần trong một tháng và ông yêu cầu bù trừ số tiền ông đã nộp thừa nhưng cơ quan Thuế không chịu. Tuy nhiên ông không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh tại thời điểm áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế ông đã yêu cầu bù trừ tiền thuế thu 02 lần trong một tháng như ông đã trình bày. Qua bản sao kê tài khoản của Doanh nghiệp do ông Trần Tử Tr cung cấp thời điểm từ ngày 02/10/2013 đến 31/12/2013 thể hiện: Ngày 16/10/2013 doanh nghiệp có nộp 17.028.224 đồng tiền phạt chậm nộp; Ngày 12/12/2013, doanh nghiệp có nộp 16.250.000 đồng

nhưng số tiền 16.250.000 đồng là khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực hóa đơn theo Quyết định số 62/QĐ-CCCT ngày 14/9/2013 (BL 114).

Ngoài ra, ông Trần Tử Tr còn trình bày trong tài khoản của doanh nghiệp thời điểm đó vẫn còn rất nhiều tiền. Qua xem xét bản sao kê tài khoản thanh toán khách hàng do ông Trần Tử Tr cung cấp theo số tài khoản 51310000049393 tại Ngân hàng TMCP và Đầu tư phát triển chi nhánh Phủ Quỳ, huyện ND từ 01/4/2014 – 30/6/2014 không thể hiện doanh nghiệp đã nộp thuế. Tại thời điểm cơ quan Thuế yêu cầu doanh nghiệp nộp thuế từ 18/3/2014 – 25/5/2014 thì số dư trong tài khoản chưa đến 1.000.000 đồng nên không đủ số tiền để thực hiện biện pháp trích nộp tiền từ tài khoản.

Vì vậy, Chi cục Thuế huyện ND thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ bằng biện pháp “Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS là đúng đối tượng theo quy định pháp luật.

Việc xác minh thông tin tình hình sử dụng hóa đơn của Doanh nghiệp là một bước trong các quy trình thực hiện áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” theo điểm a, b khoản 2 điều 13 Thông tư 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trước khi thực hiện biện pháp cưỡng chế “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Chi cục Thuế huyện ND phải xác minh tình hình sử dụng hóa đơn của Doanh nghiệp tư nhân TrS. Sáng ngày 07/5/2014, tại Chi cục Thuế huyện ND, qua kiểm tra thì số lượng hóa đơn là 09 quyển trong đó có 412 số chưa sử dụng ký hiệu TS/11P từ số 2089 đến 2500 (được phát hành theo thông báo số 285 ngày 03/5/2011, ngày bắt đầu sử dụng 13/5/2011). Sau khi xác minh, Cán bộ Chi cục Thuế huyện ND đã lập biên bản cụ thể số lượng hóa đơn và giao cho bà Nguyễn Thị Th1 bảo quản cất giữ. Biên bản lập xong có chữ ký của các bên trong đó có ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 ký vào biên bản.

Ông Trần Tử Tr cho rằng: Việc cán bộ Chi cục Thuế huyện ND lập biên bản niêm phong hóa đơn của Doanh nghiệp khi chưa có quyết định là trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cùng đại diện Viện Kiểm sát và các bên đương sự đã tiến hành xem xét hiện trạng bên ngoài gói nilon mà ông Trần Tử Tr Trường cung cấp và cho là gói hóa đơn đã được niêm phong. Sau khi xem xét các bên trình bày ý kiến:

Theo bà Phan Khánh L: Không rõ đó có phải là gói hóa đơn hay không. Khi lập biên bản xong thì bà bỏ tập hóa đơn vào trong bao nilon nhưng không nhớ màu gì, kèm theo biên bản và giao cho bà Nguyễn Thị Th1 bảo quản cất giữ trước sự chứng kiến của ông Trần Tử Tr và ông Nguyễn Thanh Đ.

Theo ông Trần Tử Tr trình bày: Đây là gói hóa đơn đã được Chi cục Thuế huyện ND lập biên bản niêm phong. Khi niêm phong thế nào thì ông không biết, sau khi bà Phan Khánh L kiểm đếm hóa đơn xong thì ông ký vào biên bản và bỏ đi.

Bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Đây là gói hóa đơn đã được Chi cục Thuế huyện ND niêm phong còn nguyên đóng gói như thế. Sau khi niêm phong được 02 ngày thì bà giao lại cho ông Trần Tử Tr nhưng ông Tr không nhận nên bà đã gửi cho ông Trần Tử Đ (là chú ruột ông Tr) bảo quản cất giữ theo hợp đồng giữa bà Th1 và ông Đ đã ký.

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, qua biên bản kiểm tra hiện trạng bên ngoài gói ni lon do ông Trần Tử Tr cung cấp thể hiện: Gói hình chữ

nhật, được bọc vào túi nilon trắng có viền kẻ đen, kèm theo biên bản được lập ngày 07/5/2014 (có chữ ký của các bên trong biên bản), được dán bằng băng dính phía bên ngoài quanh gói nilon. Xét thấy: Gói nilon này ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 khẳng định đó là gói hóa đơn đã được chuyển cho người thứ ba (ông Trần Tử Đ) bảo quản, cất giữ. Các bên không khẳng định thống nhất gói nilon có hóa đơn có còn nguyên vẹn hay không? Qua xem xét xung quanh gói nilon cho là gói hóa đơn thì không có chữ ký hay dấu đóng niêm phong theo quy định.

Qua xem xét nội dung biên bản lập ngày 07/5/2014 (BL 127) thể hiện tiêu đề “Biên bản niêm phong hồ sơ bị kê biên”, số hồ sơ bị kê biên niêm phong gồm 09 quyển hóa đơn... và cuối cùng người niêm phong bà Phan Khánh L ký thì thấy rằng: Biên bản này được phiên từ biểu mẫu số 19/BB-CCNT theo Quyết định 490/QĐ-TCT ngày 08/5/2009 của Tổng cục Thuế, chỉ xóa bỏ một số nội dung trong biểu mẫu số 19 nêu trên. Xét thấy: Tại thời điểm lập biên bản về số hóa đơn ngày 07/5/2014, cán bộ Chi cục Thuế huyện ND đã áp dụng biểu mẫu số 19/BB-CCNT theo Quyết định 490/QĐ-TCT ngày 08/5/2009 của Tổng cục Thuế để phiên sang nội dung biên bản khi chưa có Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục Thuế thay thế Quyết định 490/QĐ-TCT. Đây là bất cập trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng bộ khi có sửa đổi, bổ sung Luật Thuế.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản chất của vụ việc là xác minh tình hình sử dụng hóa đơn và lập biên bản kiểm kê số hóa đơn của doanh nghiệp chưa sử dụng trước khi áp dụng biện pháp cưỡng chế “Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng”. Hành vi này đã chuyển thành Quyết định cưỡng chế số 157/QĐ-CCT ngày 09/5/2014 và Thông báo số 676/TB-CCT ngày 09/5/2014 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế huyện ND về việc “Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” đối với Doanh nghiệp tư nhân TrS. Tuy nhiên ông Trần Tử Tr không khiếu nại và khởi kiện đối với các Quyết định hành chính này.

Xét thấy: Quyết định cưỡng chế số 157/QĐ-CCT ngày 09/5/2014 và Thông báo số 676/TB-CCT ngày 09/5/2014 của Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế huyện ND về việc “Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” là quyết định hành chính có liên quan đến Hành vi hành chính bị khởi kiện. Các Quyết định này được ban hành đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật theo điều 98a Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế; Điều 18, điều 19, điều 36 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và điều 13 Thông tư 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Tại thời điểm có Quyết định cưỡng chế “Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” thì số hóa đơn của Doanh nghiệp tư nhân TrS không còn giá trị sử dụng. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tử Tr là có căn cứ.

Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 cho rằng: Số hóa đơn giao cho bà Nguyễn Thị Th1 là người làm chứng bảo quản cất giữ là không đúng quy định pháp luật. Thời điểm lập biên bản niêm phong số hóa đơn của doanh nghiệp ngày 07/5/2014, bà Th1 không liên quan đến doanh nghiệp nữa và cung cấp quyết định không số về việc doanh nghiệp cho thôi việc đối với bà Nguyễn Thị Th1 từ ngày 01/5/2014 (BL 66). Tuy nhiên, xét thấy

Quyết định không số, không ngày tháng năm của ông Trần Tử Tr ký cho bà Nguyễn Thị Th1 thôi việc không đảm bảo về thể thức văn bản và không đúng quy định của Luật Lao động. Tại thời điểm đó, bà Nguyễn Thị Th1 là vợ ông Trần Tử Tr - Giám đốc doanh nghiệp, ngày 06/5/2014, bà Th1 là người trực tiếp nhận thông báo yêu cầu cung cấp thông tin về tình hình sử dụng hóa đơn. Sáng ngày 07/5/2014, bà Th1 cùng ông Trường đến làm việc tại Chi cục Thuế huyện ND. Tại buổi làm việc ngày 07/5/2014 bà Th1 vẫn đang là nhân viên của doanh nghiệp. Biên bản lập ngày 07/5/2014 có chữ ký của ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 nhưng ông Trường không có ý kiến gì. Tại thời điểm này, bà Th1 và ông Trường đủ năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức việc cất giữ bảo quản hóa đơn và thống nhất ký vào biên bản nên yêu cầu kháng cáo của ông Trường và bà Th1 là không có căn cứ.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Trong quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, ông Trần Tử Tr yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền: 23.045.781.000 đồng (*Hai mươi ba tỉ, không trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn đồng*) bao gồm các khoản:

- Tiền khấu hao tài sản cố định: 170.379.984 đồng;
- Lãi suất ngân hàng 10%/ năm là: 471.900.000đồng;
- Phương tiện vận chuyển xăng dầu không hoạt động được gây thiệt hại cho doanh nghiệp: 165.600.000 đồng;
- Lương Công nhân: 26.500.000đ/tháng x 12 tháng = 318.000.000đồng;
- Bồi thường doanh thu: 3.397.052.324 đồng;
- Danh dự và tinh thần: 500.000.000 đồng;
- Uy tín, thương hiệu, mất hết khách hàng truyền thống: 1.500.000.000đ.

Thiệt hại phát sinh từ ngày 07/5/2014 đến 07/5/2015: 11.761.436.606 đồng;
Thiệt hại phát sinh từ ngày 07/5/2015 đến 07/5/2016: 6.522.032.308 đồng; Thiệt hại phát sinh từ ngày 07/5/2016 đến ngày 07/11/2016: 4.761.412.094 đồng.
Tổng: 23.045.781.000 đồng(*Hai mươi ba tỉ, không trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi một ngàn đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Tử Tr yêu cầu bồi thường thêm số tiền thuế giá trị gia tăng là 9.750.055.113 đồng (*Chín tỉ, bảy trăm năm mươi triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn, một trăm mười ba đồng*).

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại thấy rằng: Tính đến thời điểm ngày 07/5/2014 doanh nghiệp còn nợ thuế trên 90 ngày là 60.039.006 đồng. Quá trình hoạt động của doanh nghiệp từ khi thành lập năm 2011 được xác minh tại Chi cục Thuế huyện ND các năm 2011, 2012, 2013 đến tháng 6/2014 còn nợ thuế 107.039.599 đồng tiền Thuế. Hồ Sơ theo dõi Thuế thu nhập của doanh nghiệp thể hiện năm 2011 lỗ 90.123.414 đồng; Năm 2012 lỗ 22.307.958 đồng; Năm 2013 lỗ 239.756.650 đồng và năm 2014 không có hồ sơ quyết toán Thuế.

Ngoài ra, ngày 01/5/2014, doanh nghiệp có tờ trình số 05/TT gửi Chi cục Thuế huyện ND về việc công ty xin tạm ngừng hoạt động do gặp khó khăn trong lĩnh vực kinh doanh kể từ ngày 01/5/2014 đến 31/12/2014.

Xét thấy do Doanh nghiệp vi phạm trong lĩnh vực thuế nên Chi cục Thuế huyện ND quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng “ Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng” là đúng quy định của pháp luật, không gây thiệt hại

cho doanh nghiệp; Thời hạn cưỡng chế một năm kể từ ngày 09/5/2014 đến 09/5/2015. Sau thời gian này doanh nghiệp vẫn được phép xuất hóa đơn và hoạt động bình thường. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Tử Tr là không căn cứ nên không được chấp nhận.

Xét thấy hồ sơ đã được thu thập tài liệu bổ sung đầy đủ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện. Kháng cáo của ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 không có cơ sở để chấp nhận.

Về Án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc ông Trần Tử Tr - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là có căn cứ. Đối với nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Tử Tr và bà Nguyễn Thị Th1 phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Về Án phí dân sự đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại trong án hành chính thấy rằng: Do yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận, nhưng cấp sơ thẩm không nhận định xem xét để buộc ông Trần Tử Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và điểm b khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về việc sửa đổi điểm c khoản 3 điều 19 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán - TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định và án phí, lệ phí Tòa án hay thuộc trường hợp miễn giảm án phí là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được giải thích nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự nếu yêu cầu bồi thường không được Tòa án chấp nhận nhưng ông Trần Tử Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu bồi thường.

Xét thấy số tiền ông Trần Tử Tr yêu cầu được bồi thường thiệt hại tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là 32.795.836.113 đồng (*Ba mươi hai tỉ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm mười ba ngàn đồng*). Trong đó, có 2.000.000.000 đồng(*Hai tỉ đồng*) là khoản yêu cầu bồi thường danh dự, tinh thần, uy tín, thương hiệu thì không phải chịu án phí dân sự theo khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015. Số tiền còn lại là 30.795.836.113 đồng (*Ba mươi tỉ, bảy trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm mười ba đồng*) thì phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 138.795.836 đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi sáu đồng*). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Tử Tr có đơn xin miễn án phí vì doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tài chính. Qua xem xét thực tế thì doanh nghiệp có gặp khó khăn về tài chính là có cơ sở nhưng không đủ điều kiện để được miễn toàn bộ án phí theo điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, cần xem xét giảm 50% án phí dân sự cho ông Trần Tử Tr.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm áp dụng thiếu điều luật nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng Hành chính:

Bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện ND, tỉnh Nghệ An; Sửa án sơ thẩm về phần án phí dân sự và áp dụng bổ sung điều luật.

Căn cứ điều 7, điều 30, khoản 1 điều 31, điểm a khoản 2 điều 116, điểm a khoản 1 điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ điều 92, điều 93, điều 94, điều 97 Luật Thuế năm 2006; Mục 26, 27 điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế; Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và Thông tư 215/2013/ TT-BTC ngày 31/12/2013 của bộ Tài chính; Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc Chi cục Thuế.

Căn cứ điều 27, khoản 2 điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009; điểm b khoản 3 điều 2 Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 về việc sửa đổi điểm c khoản 3 điều 19 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán - TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn khởi kiện của ông Trần Tử Tr - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân TrS về việc khởi kiện hành vi hành chính của Chi cục Thuế huyện ND và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra.

Về án phí: Án phí Hành chính sơ thẩm ông Trần Tử Tr - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) ;

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Tử Tr - Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân TrS phải nộp 200.000đ áp phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004355 ngày 23/11/2016. Bà Nguyễn Thị Th1 phải nộp án phí Hành chính phúc thẩm 200.000đ nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0004356 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND.

Án phí dân sự: Ông Trần Tử Tr phải nộp 69.397.918 đồng (*Sáu mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm mười tám đồng*).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND h. ND;
- Chi cục THADS h. ND;
- Các đương sự;
- Cục Thuế Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lang Thị Duyên

